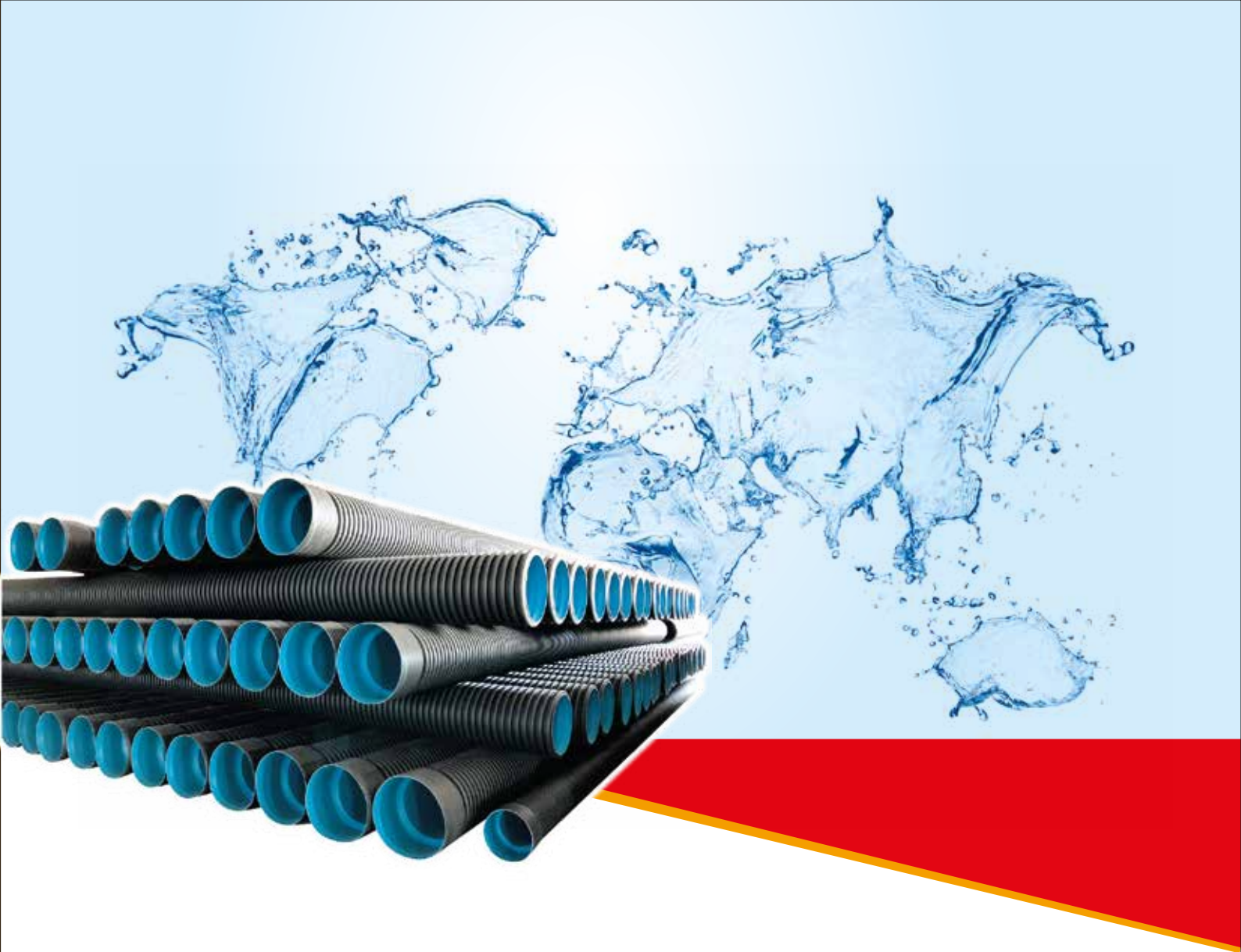




CÔNG TY TNHH SX - TM - DV THUẬN THÔNG

Trụ sở chính : Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

VPĐD Miền Nam 1 : Số 151/1-2 Nguyễn Văn trỗi, Phường 11,
Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

VPĐD Miền Nam 2 : 1768/12/24 tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,
Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Email : thuanthonggroup@gmail.com

Website : www.goodgroup.vn

Hotline : 0967 555 550 | 0964 555 557

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH SX - TM - DV - THUẬN THÔNG

ỐNG GÂN 2 LỚP - ỐNG 2 VÁCH - ỐNG CAM - ỐNG PPR - ỐNG HDPE



Mục lục

Giới thiệu công ty	3
Thông tin liên hệ	4
Cam kết thương hiệu	5
Năng lực Công ty trong Sản xuất & Kinh doanh	6
Tầm nhìn & Sứ mệnh	7
Về chúng tôi	8
Sản phẩm	9
Sơ đồ dòng chảy sản xuất	10
Các chứng chỉ đạt được	11
Các dự án tiêu biểu	28

Giới thiệu công ty

Kính gửi Quý khách hàng

Công ty TNHH SX TM DV Thuận Thông xin gửi đến Quý Khách hàng lời chào trân trọng.

Kính thưa quý Khách hàng: Công ty TNHH SX TM DV Thuận Thông là Công ty chuyên Kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất, Thương mại trên lãnh thổ Việt Nam các sản phẩm của Công ty bao gồm: **Ống nhựa gân xoắn HDPE 2 vách, Ống nhựa gân HDPE 2 lớp (Ống thành đôi), Ống HDPE trơn, Ống PPR, Ống xoắn HDPE luôn cáp điện, Phụ tùng ống,...**

Hiện nhà máy của **Thuận Thông** được xây dựng trên diện tích hơn 10.000 m², tọa lạc tại ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Sản phẩm ống và phụ kiện của chúng tôi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại. Với chính sách “**Chất lượng và Giá cả hợp lý**” sản phẩm của chúng tôi đã được tín nhiệm và sử dụng rất nhiều tại công trình khắp cả nước. Mang đến sự ổn định, bền vững và hiệu quả kinh tế cao.

Ống nhựa Thuận Thông tuy còn khá mới mẻ trong ngành, tuy nhiên hiện nay **Công ty Thuận Thông** đã có được một vị trí nhất định trong hoạt động kinh doanh, Chúng tôi đã thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và Tập đoàn trong nước. Sản phẩm được các Doanh nghiệp đánh giá cao. **Thuận Thông đã được cấp chứng chỉ ISO 9001 : 2015, công nhận sản phẩm Thuận Thông là sản phẩm chất lượng, uy tín trên thị trường.**

Thế mạnh làm nên thương hiệu **Thuận Thông** khác biệt chính là: Sự chuyên môn hóa trong từng bộ phận, tính trách nhiệm cao cùng những giám sát kỹ thuật làm việc nghiêm túc, cẩn thận nhằm tạo nên những sản phẩm hoàn thiện đến từng chi tiết nhỏ nhất. Ngoài ra, các bộ phận thường xuyên trao đổi công việc, chia sẻ những khó khăn, sáng kiến xây dựng nên một **Thuận Thông** năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp hơn trong từng dự án chúng tôi tham gia. Với phương châm “**Hợp tác để cùng thành công**”, và định hướng “**Liên tục cải tiến**” Thuận Thông đã luôn nỗ lực cả về nhân lực, vật lực, xây dựng uy tín thương hiệu, niềm tin với Khách hàng với những sản phẩm chúng tôi cung cấp.

Được biết Quý Công ty là đơn vị đầu tư thường xuyên sử dụng hệ thống ống nhựa HDPE cho các công trình cấp thoát nước. Sản phẩm của chúng tôi chắc chắn đáp ứng hoàn hảo những nhu cầu về tiêu chuẩn, kỹ thuật, chất lượng cho các Công trình của quý Khách hàng.

Sự tin tưởng và ủng hộ của Khách hàng ở hiện tại và tương lai là nguồn động viên to lớn trên bước đường phát triển của Thuận Thông. Hy vọng sản phẩm nhựa Thuận Thông là lựa chọn tốt nhất cho những công trình dự án sắp tới.

Trân trọng kính chào!



Thông tin liên hệ

CÔNG TY TNHH SX - TM - DV THUẬN THÔNG

Trụ sở chính : Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

VPĐD Miền Nam 1 : Số 151/1-2 Nguyễn Văn trỗi, Phường 11,
Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

VPĐD Miền Nam 2 : 1768/12/24 tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,
Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Email : thuanthonggroup@gmail.com

Website : www.goodgroup.vn

Hotline : 0967 555 550 | 0964 555 557

ISO : 9001- 2015

**Sản phẩm mang thương hiệu GOOD được sản xuất
và đăng kí độc quyền thương hiệu tại Thuận Thông**



Cam kết thương hiệu

Tiêu chí của Thuận Thông

Thuận thông là nơi quý khách hàng có thể gửi trọn niềm tin về chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm, chất lượng công trình, sự tận tụy trong phục vụ.

Chúng tôi:

- Không ngừng cải tiến, đổi mới và nâng cao chất lượng của từng sản phẩm, an toàn cho sức khỏe đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.
- Không ngừng nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới kĩ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng để giữ vững niềm tin của khách hàng.
- Đề cao sự hợp tác đôi bên cùng có lợi, phát triển bền vững để tạo ra chuỗi cung ứng chất lượng và ổn định.
- Là đối tác quan trọng của Đại Lý cấp 1, các Dự án về Hệ Thống cấp thoát nước thải, dân dụng,...
- Tạo môi trường làm việc năng động chuyên nghiệp, tạo cơ hội thăng tiến và tạo niềm tự hào khi đóng góp cho sự phát triển của công ty.
- Đóng góp tích cực vào hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường.
- Phấn đấu trở thành công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Chiến lược phát triển

Các sản phẩm của Thuận Thông đều được xây dựng trên nền tảng kết hợp công nghệ hiện đại của thế giới và khả năng sáng tạo của người Việt Nam. Việc ứng dụng Khoa học Công nghệ tiên tiến và khai thác nguồn nhân lực trong nước đã giúp cho Thuận Thông tạo ra được những sản phẩm chất lượng đẳng cấp Quốc tế với giá cả cạnh tranh.

Các dự án được quản lý và thực hiện theo những quy trình và tiêu chuẩn Quốc tế, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nội dung và tiến độ của Khách hàng.

Bên cạnh đó, việc hỗ trợ Khách hàng của Thuận Thông bao gồm một đội ngũ các nhân viên kỹ thuật được đào tạo chuyên nghiệp và có nhiều kinh nghiệm trong các dự án lớn luôn luôn sẵn sàng để phục vụ các bạn.



Năng lực Công ty trong Sản xuất & Kinh doanh

1. Tên Công ty: CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG

2. Năng lực trong sản xuất và kinh doanh:

- Sản xuất:

- Ống và phụ kiện HDPE cấp thoát nước các loại
- Ống nhựa cấp nước PPR
- Ống nhựa xoắn HDPE bảo vệ dây cáp điện (Ống cam)

- Kinh doanh:

- Ống và phụ kiện HDPE cấp thoát nước các loại
- Ống nhựa cấp nước PPR
- Ống nhựa xoắn HDPE bảo vệ dây cáp điện (Ống cam)
- Ống nhựa và phụ kiện uPVC cấp nước
- Ống nhựa PVC và phụ kiện cứng luồn dây điện
- Tấm lót sàn 3D, sàn gác giả Greenboard và BKT Cemboard X2
- Tấm sàn nhựa chăn nuôi (chó, mèo, heo,...)

3. Số lượng chủng loại các sản phẩm sản xuất và kinh doanh chính

- Sản xuất:

- Ống gân HDPE 2 lớp (Ống gân thành đôi): từ Ø 110mm đến Ø1000mm
- Ống gân xoắn HDPE 2 vách: Ø150mm đến Ø 1500mm
- Ống HDPE trơn: Ø 20mm đến Ø 160mm
- Ống PPR 2 lớp: Ø20mm đến Ø110mm
- Ống xoắn HDPE bảo vệ cáp điện: Ø25mm đến Ø250mm

- Kinh doanh:

- Ống gân HDPE 2 lớp (Ống gân thành đôi): từ Ø 110mm đến Ø1000mm
- Ống gân xoắn HDPE 2 vách: Ø150mm đến Ø 1500mm
- Ống HDPE trơn: Ø 20mm đến Ø 160mm
- Ống PPR 2 lớp: Ø20mm đến Ø110mm
- Ống xoắn HDPE bảo vệ cáp điện: Ø25mm đến Ø250mm
- Ống nhựa uPVC và phụ kiện: Ø16mm – Ø630mm
- Sàn nhựa chăn nuôi: 40cm x 40 cm và 40 cm x 60cm
- Tấm lót sàn 3D, sàn gác giả: kích thước 1m x 2m và 1.22 m x 2.44 m

4. Hệ thống sản xuất theo tiêu chuẩn:

PR EN 13476-3:2007 ; TCVN 9070:2012 ; KPS M2009 ; DIN 8077:2009-09 & DIN 8078:2008-9;
ISO 4427-2 :2007 (TCVN 7305-2:2008); TCVN 8699: 2011.



Tầm nhìn

Tầm nhìn & Sứ mệnh

Tầm nhìn

Bằng nhiệt huyết, nỗ lực cùng chiến lược kinh doanh - phát triển bền vững, **Công ty Thuận Thông** luôn phấn đấu từng ngày để vươn lên trở thành một Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực, hướng đến một thương hiệu đẳng cấp Quốc tế.

Công ty chúng tôi luôn lắng nghe những ý kiến đóng góp, phản hồi của khách hàng để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, giúp Công ty phát triển ngày một lớn mạnh.

Sứ mệnh

Đối với khách hàng: Đề cao tinh thần hợp tác cùng thành công. Mang lại sự tư vấn tốt nhất và cam kết trở thành **"Người đồng hành số 1"** của Khách hàng. Để đạt được điều này, mỗi nhân viên trong công ty luôn tự ý thức được trách nhiệm của mình, trau dồi những kỹ năng và kinh nghiệm trong suốt quá trình làm việc.

Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên. Không ngừng học hỏi, trao đổi và chia sẻ kiến thức với nhau.

Đối với xã hội: Hải hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.

Giá trị cốt lõi & Triết lý kinh doanh

Giá trị cốt lõi

Thuận Thông luôn đặt chữ Tín lên hàng đầu. Chúng tôi coi trọng chữ Tín như chính danh dự của mình và luôn kinh doanh trên nền tảng trung thực.

Chúng tôi cam kết sẽ luôn tận tâm và không có bất kỳ khó khăn nào có thể ngăn cản chúng tôi mang lại những giá trị tiện ích phù hợp với mong muốn và lợi ích của Quý khách hàng.

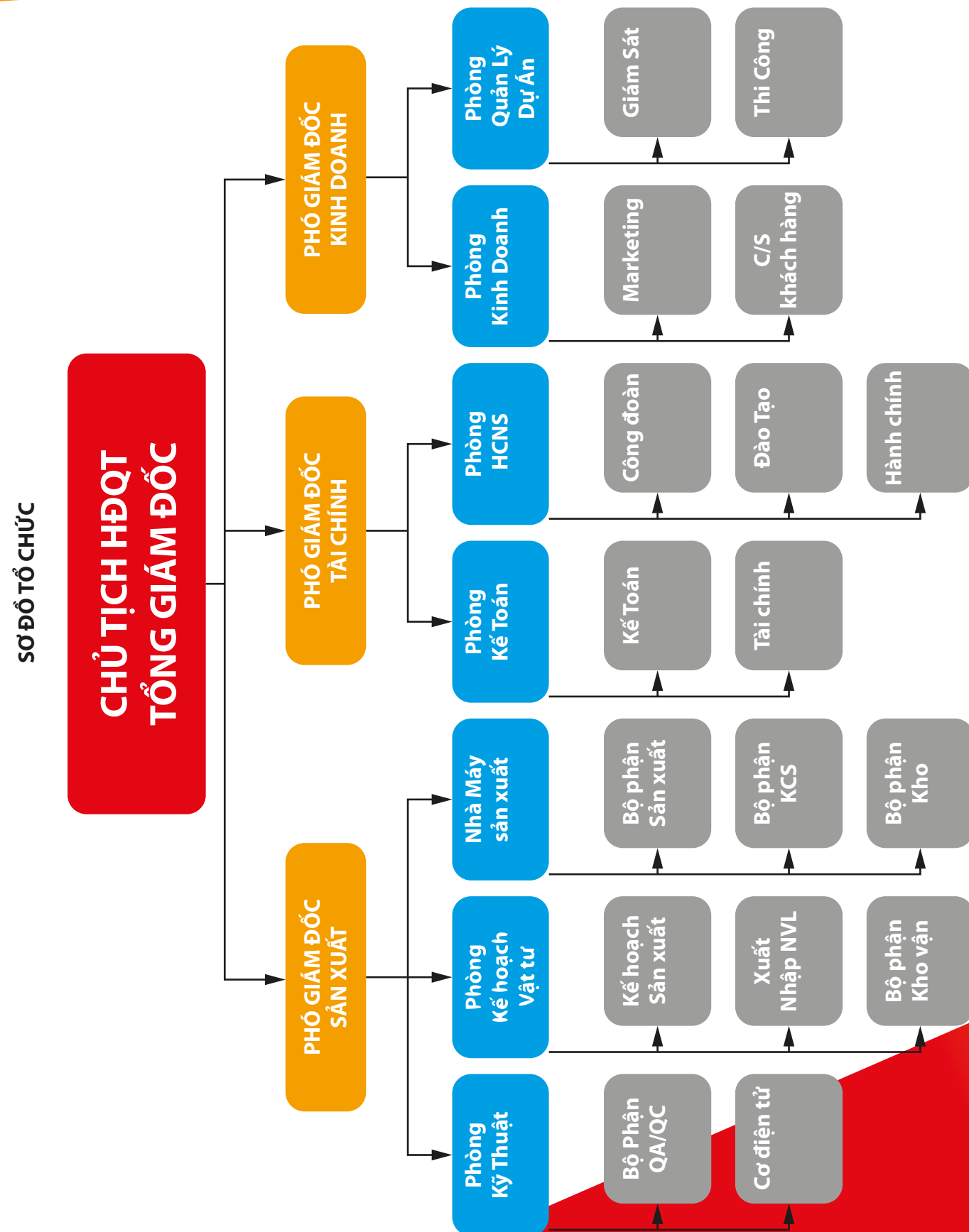
Với tập thể Thuận Thông đoàn kết, vững mạnh và sự ủng hộ của Quý khách hàng, chúng tôi chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

Triết lý kinh doanh:

- Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Thỏa mãn khách hàng là mục tiêu hàng đầu của Công ty.
- Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của Công ty.



Về chúng tôi



Sản phẩm

Ống nhựa Thuận Thông

Với định hướng chiến lược trong vòng 3 năm Thuận Thông phấn đấu trở thành Công ty chuyên sản xuất và phân phối lớn mạnh nhất khu vực trong các sản phẩm sau:

ỐNG NHỰA GÂN HDPE 2 LỚP THÀNH ĐÔI

Đường kính: DN110mm - DN1000mm
Dùng cho công trình xử lý nước thải, cống thoát nước dân dụng và công nghiệp.



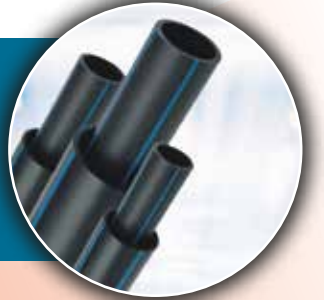
ỐNG NHỰA GÂN XOẮN HDPE 1 - 2 VÁCH

Đường kính: DN 150mm - DN 1500mm
Dùng cho công trình xử lý nước thải, cống thoát nước dân dụng và công nghiệp.



ỐNG NHỰA HDPE TRƠN

Đường kính: DN 20 - DN 1200
Dùng cho hệ thống dẫn nước khu đô thị, hệ thống dẫn nước và phân phối nước uống, thoát nước thải, nước mưa,...



ỐNG NHỰA PPR

Đường kính: DN20 - DN 110
Dùng để xử lý ống dẫn và phân phối nước nóng lạnh cho công trình dân dụng, công nghiệp,...



ỐNG NHỰA XOẮN HDPE

Đường kính: DN25 - DN 200
Dùng lắp đặt bảo vệ cáp điện, cáp viễn thông



Sơ đồ dòng chảy sản xuất

TRÁCH NHIỆM	LƯU ĐỒ THỰC HIỆN	TÀI LIỆU LIÊN QUAN
Giám đốc	Lệnh sản xuất	BM-14-01
Bộ phận sản xuất	↓ Đề xuất nguyên vật liệu	BM-14-02
Bộ phận sản xuất	↓	HD-01
Bộ phận sản xuất	↓ Tiến hành sản xuất	BM-14-03 BM-14-04 BM-14-05 BM-14-06
Thủ kho	↑ Kiểm tra	
	↓ Nhập kho thành	

So sánh ống gân 2 lớp thành đôi và ống bê tông



Lắp đặt dễ dàng, độ bền cao



Lắp đặt công kênh, độ bền thấp

Các chứng chỉ đạt được

CERTIFICATE

VCA

CHỨNG NHẬN

Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THÔNG

Địa chỉ:

Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Thực hiện và duy trì Hệ thống Quản lý chất lượng

Với phạm vi áp dụng:

Chuyên sản xuất ống nhựa: Ống nhựa gân xoắn HDPE 1 vách, Ống nhựa gân xoắn HDPE 2 vách, Ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp, Ống HDPE, Ống PPR, Ống uPVC, Ống gân xoắn HDPE luồn dây cáp điện và Ống luồn dây điện PVC

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

ISO 9001

INTERNATIONAL ACCREDITATION FORUM IAF

CERTIFIED VCA

Chứng nhận số: 17VN077QM

Ngày cấp: 20 - 12 - 2017

Thời hạn hiệu lực: 19 - 12 - 2020

Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc

VITRANCO BUILDING, 152 Thái Thịnh,

Các chứng chỉ đạt được



Các chứng chỉ đạt được



Các chứng chỉ đạt được



Các chứng chỉ đạt được



Các chứng chỉ đạt được



TƯNG TÂM KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 3
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

10/03/2018
 Page 01/01

KTS/01256A18D

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu

6. Thời gian thử nghiệm
Test period

7. Kết quả thử nghiệm
Test result

ÔNG NHỰA HDPE Ø30 x 2,0mm

01

Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*

04 ống nhựa mẫu đến cỡ 6 sợi/sản
Black plastic pipe with six sizes/slots

01/03/2018

CÔNG TY TNHH SX TM DV THỰC PHẨM
Áp 4, Long Bình, Bàu Lát, Long An

01/03/2018 - 10/03/2018

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
T.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 1126 : 2005	20,2
T.2 Độ dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 1126 : 2005	2,1
T.3 Độ bền đứt với áp lực nước trong +20 °C (áp lực nước 1,99 MPa) <i>ISO 1167-1 : 2006</i>	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không có sự rò rỉ hoặc hư hỏng
T.4 Độ thay đổi kích thước theo chuẩn ISO (110°C, 60 phút) <i>Longitudinal reversion (110°C, 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,5

P. TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

(Signature)

Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY GIÁM ĐỐC/PIN CHỨC VỤ GIÁM ĐỐC
BY SIGNATURE/IN CHARGE DIRECTOR



(Signature)

Trần Thị Thanh Uyên

1. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

2. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

3. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

4. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

5. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

6. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

7. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

8. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

9. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

10. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được thực hiện theo các phương pháp thử nghiệm được ghi trong tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của Việt Nam.

[illegible]



TỔNG CỤC THIẾT CHUẨN BỘ CÔNG NGHIỆP
TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/03/2018
Page 01/01

KT3-0122A/MBH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu : **ÔNG NHƯ(A) HDPE Ø 63 x 3,0mm**

2. Số lượng mẫu : **01**

3. Mô tả : **Mẫu thí nghiệm do khách hàng lấy mẫu, từ mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. *Testing sample was sampled by customer; sample name and sample information were supplied by customer.***
Ống đùn đùn nhựa nền có 6 lớp xoắn
Blow extruded pipe with six layers spiral

4. Ngày nhận mẫu : **09/03/2018**

5. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SX TM BÙI THUẬN THÔNG**
Ấp & Lương Hòa, Hòa Lai, Long An

6. Thời gian thí nghiệm : **19/03/2018 – 19/03/2018**

7. Tên người thí nghiệm : **Kết quả thí nghiệm :**

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả thí nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Average outside diameter</i>	mm	ISO 1126 : 2005	63,2
7.2 Độ dày (trung bình) của thành ống <i>Average wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	3,0
7.3 Độ bền kéo với tỷ suất biến dạng ở 20 °C (áp lực xoắn 1,99 MPa) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1,99 MPa distortion 100%)</i>	mm	ISO 1187-1 : 2006	Không bị vỡ <i>No leakage</i>
7.4 Độ trượt độ lệch trục của trục xoắn ở 110°C, 60 phút <i>Longitudinal reversion (110°C, 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,2

P. TRƯỞNG PIN BẢNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.


Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY SẴN DÙNG/ FOR DIRECTOR
PREPARED BY/ CHIEF OF OFFICE
TRƯỞNG PHÒNG
CHIEF
01/03/2018
 **Phòng Kỹ Thuật**
Technical Department
Trần Văn Tuấn
Trần Văn Tuấn



TỔNG CỤC THỬ CHỨNG ISO 9001 CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT THỬ CHỨNG DO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-0123456789

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu
Sample name : (ÔNG NHỰA HDPE Ø 63 x 3,mm)

2. Số lượng mẫu
Quantity : 01

3. Mô tả
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
04 cuộn ống nhựa màu đen có 6 m each
Black plastic pipe with six-couper each

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/03/2018

5. Nơi gửi mẫu
Send to : (ÔNG TỶ TRIỆU XÃ TÂN THIỆN THƯỜNG
Ấp 4, Lương Minh, Bắc Lân, Long An)

6. Thời gian thử nghiệm
Test period : 19/03/2018 – 19/03/2018

7. Kết quả thử nghiệm
Test result :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2003	63,2
7.2 Độ dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	3,8
7.3 Độ bền đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực mẫu 1,59 MPa trong 100 giờ) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1.59 MPa; duration: 100 h)</i>	mm	ISO 11487-1 : 2006	Không có rò rỉ hoặc hư hỏng
7.4 Độ thay đổi kích thước theo thời gian đun (110°C, 60 min) <i>Length/width variation (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2805 : 2005	1,2

PHƯƠNG PHÁP HANG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

(Signature)
Nguyễn Thị Thủy Nhi

CHỖ CHỮ KÝ CHO GIÁM ĐỐC
LABORATORY CHIEF DIRECTOR



Trần Thị Ngọc Bích
Trưởng phòng
Phòng Kỹ thuật thử nghiệm
Phòng Kỹ thuật thử nghiệm

1. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm đã được kiểm tra và chấp thuận bởi Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

2. Thông tin chi tiết về các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

3. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

4. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

5. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

6. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

7. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

8. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

9. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.

10. Các tài liệu và phần mềm được áp dụng trong quá trình thử nghiệm có thể được tìm thấy trên trang web của Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm Chất lượng 3.



TỔNG CỤC THIẾT BỊ CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHẤT LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER

19/03/2018
 Page 01/01

KT3-01228A/ĐH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu <i>Name of sample</i>	: ống nhựa HDPE Ø 40 x 3,0 mm																						
2. Số lượng mẫu <i>Quantity</i>	: 01																						
3. Mô tả <i>Description</i>	: Mẫu thí nghiệm do khách hàng lấy mẫu, thí mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / <i>Testing sample was sampled by customer, sample number and sample information were supplied by customer.</i> (Mẫu dùng làm mẫu đơn có 6 véc cạnh) <i>Blow plastic pipe with six corner strips</i>																						
4. Ngày nhận mẫu <i>Date of receiving</i>	: 09/03/2018																						
5. Nơi gửi mẫu <i>Gen area</i>	: CÔNG TY TNHH SX TM DV THUAN THONG Ng 4, Lường Bính, Bôn Lầu, Lũng An																						
6. Thời gian thử nghiệm <i>Test period</i>	: 10/03/2018 – 16/03/2018																						
7. Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%;">Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i></th> <th style="width: 15%;">Đơn vị (nếu có) <i>Unit</i></th> <th style="width: 30%;">Phương pháp thử <i>Test methods</i></th> <th style="width: 25%;">Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>7.1 (Đường kính trung bình) <i>Mean outside diameter</i></td> <td>mm</td> <td>ISO 3126 : 2005</td> <td>40,2</td> </tr> <tr> <td>7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i></td> <td>mm</td> <td>ISO 3126 : 2005</td> <td>3,1</td> </tr> <tr> <td>7.3 Độ bền đứt vết áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa trong 100 giờ) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1.99 MPa water, 100 h)</i></td> <td>mm</td> <td>ISO 1167-1 : 2006</td> <td>Không xảy ra rò rỉ hoặc phồng rộp</td> </tr> <tr> <td>Độ quay dài khả chuyển theo chiều dài (110°C; 60 phút) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i></td> <td>%</td> <td>ISO 2505 : 2005</td> <td>1,8</td> </tr> </tbody> </table>			Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Đơn vị (nếu có) <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>	7.1 (Đường kính trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	40,2	7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	3,1	7.3 Độ bền đứt vết áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa trong 100 giờ) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1.99 MPa water, 100 h)</i>	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không xảy ra rò rỉ hoặc phồng rộp	Độ quay dài khả chuyển theo chiều dài (110°C; 60 phút) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,8
Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Đơn vị (nếu có) <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>																				
7.1 (Đường kính trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	40,2																				
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	3,1																				
7.3 Độ bền đứt vết áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa trong 100 giờ) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1.99 MPa water, 100 h)</i>	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không xảy ra rò rỉ hoặc phồng rộp																				
Độ quay dài khả chuyển theo chiều dài (110°C; 60 phút) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,8																				

P.T. CHỦNG P.TN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.


Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. QUẢN LÝ/CHỨC VỤ CHO DIRECTOR
MANAGER/POSITION FOR DIRECTOR


Trần Thị Thanh Uyên

1. Mục đích của báo cáo thử nghiệm: Báo cáo thử nghiệm được thực hiện để cung cấp thông tin về kết quả thử nghiệm và các thông số kỹ thuật của sản phẩm. Báo cáo này chỉ có giá trị đối với các sản phẩm đã được thử nghiệm và không thể áp dụng cho các sản phẩm khác.

2. Phạm vi áp dụng: Báo cáo thử nghiệm chỉ áp dụng cho các sản phẩm đã được thử nghiệm và không thể áp dụng cho các sản phẩm khác.

3. Điều kiện thử nghiệm: Các điều kiện thử nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và được ghi rõ trong báo cáo thử nghiệm.

4. Hạn chế: Báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các sản phẩm đã được thử nghiệm và không thể áp dụng cho các sản phẩm khác.

5. Ghi chú: Báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các sản phẩm đã được thử nghiệm và không thể áp dụng cho các sản phẩm khác.

TÍNH CỰC THIẾT YẾU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TRUNG TÂM VI THUYẾT THU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

QUATESTTM

KTC-0122&HĐHC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày 05/10/2018
Page 05/01

1. Tên mẫu: ÒNG NHỰA HDPE Ø 40 x 3,7mm
Name of sample: (01)

2. Số lượng mẫu:
Quantity:

3. Mô tả:
Description:
Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Ốai đống nhựa màu đen có 6 sợi xanh
Black plastic pipe with six green stripes
(09/03/2018)

4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving:

5. Nơi gửi mẫu:
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập, Tự do, Hạnh phúc, Bình An

6. Thời gian thử nghiệm: 19/03/2018 - 19/03/2018
Test period:

7. Kết quả thử nghiệm:
Test result:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit and	Phương pháp thử Test methods	Kết quả thử nghiệm Test results
2.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter:		ISO 3126 : 2005	40,3
3.1 Độ dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness:	mm	ISO 3126 : 2005	3,8
4.1 Độ bền đứt vênh tại ứng suất kéo ở 20 °C (áp lực nước: 1,90 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (1,90 MPa duration: 100 h):		ISO 1167-1 : 2006	Không vỡ rỉ rò leakage
5.1 Độ thay đổi kích thước dọc chuẩn độ (110°C; 60 phút) Longitudinal reversion (110°C; 60 min):	%	ISO 2505 : 2005	1,4

P.THIỆU NGƯỜI HẸNG TIÊU ĐÚNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thúy Nhi

KY SƯỂM DỐC PƠ DIRECTOR
THI SỬM DỐC PƠ DIRECTOR

Trần Văn Tuấn

07 (chữ)
07 (chữ)
07 (chữ)
07 (chữ)

Phạm Thanh Uyên



QUATEST 3

TỔNG CỤC THIẾT CHUẨN BẢO CHỨNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT THIẾT CHUẨN BẢO CHỨNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

19/03/2018

Page 01/01

KTY-01226AHDH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu
Number of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu

: **ÔNG NHỰA HDPE Ø 63 x 4,7mm**

: **01**

Mẫu thí nghiệm do khách hàng ủy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*

04 đoạn ống nhựa màu đen có 6 lớp xoắn
04 black plastic pipe with six steel spiral
(19/03/2018)

(CÓNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THƯỜNG

Ap 4, Lương Bôn, Bôn Lát, Lạng An

7. Thời gian thí nghiệm : 19/03/2018 – 19/03/2018

Test period

8. Kết quả thí nghiệm

Test result

ÁP 4, LƯƠNG BÔN, BÔN LÁT, LẠNG AN

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thí nghiệm <i>Test results</i>
1.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Average outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	63,2
2.1 Độ dày (trung bình) của thành ống <i>Average wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	4,7
3.1 Độ bền đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước: 1,99 MPa, trong 100 giờ) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1,99 MPa; duration: 100 h)</i>	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không có rò rỉ nước leakage
4.1 Độ duy trì biến thiên theo chiều dọc (110°C, 60 min) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2305 : 2008	1,2

P.HUYNH PHÚ HÀNG THIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Nhi

KT. NGUYỄN ĐỨC FOR DIRECTOR
PHO TRANSDUANCE DIRECTOR

(Signature)

Nguyễn Thanh Uyên





TỔNG CỤC THỬ CHUẨN QUỐC LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT THỬ CHUẨN BỒ LƯƠNG CHẤT LƯỢNG 3
 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PH/03/2018
 Page 03/01

KTC3-0122NAHDE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nội ghi
Notes

6. Thời gian thí nghiệm
Test period

7. Kết quả thí nghiệm
Test result

ỐNG NHỰA HDPE Ø90 x 3,5mm

: 01

: Mẫu thí nghiệm do khách hàng tự lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*

: 04 đoạn ống nhựa mẫu đem có 6 spec khác
Black plastic pipe with six spec other

: 09/03/2018

CÔNG TY TNHH SX TM DV THUYỀN THƯỜNG
Ấp 4, Lương Bình, Bìn Lầu, Long An

: 10/03/2018 - 19/03/2018

Tên thí nghiệm <i>Characteristics</i>	Đơn vị thí nghiệm <i>Test method</i>	Phương pháp thí th nghiệm <i>Test method</i>	Kết quả thí nghiệm <i>Test results</i>
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 11426: 2005	90,2
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126: 2005	3,7
7.3 Độ bền kéo với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa trong 100 giây) <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (1.99 MPa; duration: 100 s)</i>	mm	ISO 14687: 2004	Không bị rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (120°C, 60 phút) <i>Longitudinal retraction (120°C, 60 min)</i>	%	ISO 2505: 2005	1,4

P.TƯỞNG PTN HÀNG TỬ DUNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.


 Nguyễn Thị Thủy Nhi

K.T. QUẢN LÝ CHO DIRECTOR
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT


 K.T. QUẢN LÝ CHO DIRECTOR
 PHU THỦ K.T. QUẢN LÝ CHO DIRECTOR
 Trương Thanh Uyên

1. Quy định chung: Mẫu thí nghiệm phải được lấy đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *General provisions: Test samples must be taken according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 2. Quy định về mẫu thí nghiệm: Mẫu thí nghiệm phải được lấy đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test sample provisions: Test samples must be taken according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 3. Quy định về kết quả thí nghiệm: Kết quả thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test result provisions: Test results must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 4. Quy định về thời gian thí nghiệm: Thời gian thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test period provisions: Test period must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 5. Quy định về nội ghi: Nội ghi phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Notes provisions: Notes must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 6. Quy định về đơn vị thí nghiệm: Đơn vị thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test unit provisions: Test unit must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 7. Quy định về kết quả thí nghiệm: Kết quả thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test result provisions: Test results must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 8. Quy định về thời gian thí nghiệm: Thời gian thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test period provisions: Test period must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 9. Quy định về nội ghi: Nội ghi phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Notes provisions: Notes must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*
 10. Quy định về đơn vị thí nghiệm: Đơn vị thí nghiệm phải được báo cáo đúng theo quy định của pháp luật và quy định của Trung tâm Kỹ thuật thử chuẩn Bồn Lương Chất Lượng 3. / *Test unit provisions: Test unit must be reported according to the law and the provisions of the Quality Assurance and Testing Center 3.*

Các chứng chỉ đạt được

Các chứng chỉ đạt được

 TƯNG TÂM CỨU THUYẾT CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KIỂM THỬ THUẬN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3			
KTC-01226AIDH	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	1905/2018 Page 01/01	
1. Tên mẫu : CÔNG NHỰA HDPE Ø 90 x 4,5mm Name of sample : 01 2. Số lượng mẫu : Quantity 3. Mô tả : Description : [Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer. 04 đoạn ống nhựa đến 60 x 6 cm dài Black plastic pipe with six cm strip : 09/03/2018			
4. Ngày nhận mẫu : Date of receiving 5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH SX TM DV THIẾT BỊ THƯỜNG Ap 4, Lương Nhữ, Bắc Lệ, Lạng An Test period 7. Khi kết quả nghiệm : 10/03/2018 - 19/03/2018 Test result			
Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter,	mm	ISO 3126 : 2005	90,3
7.2 Độ dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness,	mm	ISO 3126 : 2005	4,5
7.3 Độ bền đối với áp suất bên trong ở 20 °C tiếp tục mạch 1,99 MPa trong 100 giờ Resistance to internal pressure at 20 °C (1,99 MPa; duration: 100 h)	mm	ISO 1187-1 : 2006	Không bị rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min.) Longitudinal reversion (110°C; 60 min.),	%	ISO 2005 : 2005	1,4
P.TƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.  Nguyễn Thị Thu Nhi		KY SẴN DÙNG CHO DIRECTOR READY TO SIGN FOR DIRECTOR  Phạm Thanh Uyên	

TỔNG TÀI KIỂM THỬ CHẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



KTC-0122A-MDN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/03/2018

Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu
Test period

6. Thời gian thử nghiệm
Test result

CÔNG NIỆA HOPE G 90 x 3,4mm

: 01

Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tin mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was supplied by customer.
sample name and sample information were supplied by customer.

Đã được ghi chép vào sổ các kết quả thử nghiệm
All test results were recorded in the test report book

: 03/03/2018

CÔNG TY TNHH SX TM DV ĐẦU TƯ THÔNG

Áp 4 Lương Hòa, Bùn Lát, Long An

: 19/03/2018 - 19/03/2018

Tên chi tiết <i>Characteristics</i>	Đơn vị <i>(unit)</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
7.1 Đường kính ngoài (trong bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	9,2
8.1 Độ dày (trong bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	5,5
9.1 Độ bền đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa trong 100 giờ) <i>Burst resistance at 20 °C (1.99 MPa; duration: 100 h)</i>	mm	ISO 1187 : 2006	Không có rò rỉ hoặc leakage
10.1 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2395 : 2005	1,6

P.TƯỞNG PIN HẰNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.



Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC FOR DIRECTOR
GENERAL MANAGE DIRECTOR

Phòng Quản lý Chất lượng

Hàng Thành Uyên

1. Các tài liệu tham khảo áp dụng cho việc thực hiện thử nghiệm:
a. Tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)
b. Tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)
c. Tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)

2. Các tài liệu tham khảo áp dụng cho việc thực hiện thử nghiệm:
a. Tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)
b. Tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)
c. Tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm: QCVN 2-2:2008 (tương đương ISO 9001:2008)

Địa chỉ: Trung tâm Kiểm thử Chẩn đo lường Chất lượng 3, số 10 đường Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Số điện thoại: 04.38.22.11.11 Fax: 04.38.22.11.12 Email: info@quatest.vn Website: www.quatest.vn

Địa chỉ: Trung tâm Kiểm thử Chẩn đo lường Chất lượng 3, số 10 đường Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Số điện thoại: 04.38.22.11.11 Fax: 04.38.22.11.12 Email: info@quatest.vn Website: www.quatest.vn



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN QUỐC LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QUỐC LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

19/03/2018
Page 03/01

KT3-0122SAH08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu
Test period

6. Thời gian thử nghiệm
Test result

7. Kết quả thử nghiệm
Test result

ÔNG NHỰA HIỆP Ở 110 x 5,3mm

Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, số mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*

04 thanh ống nhựa màu đen với 4 sợi xanh.

Black plastic pipe with 4 x cyan stripes

CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THỒNG
4, Đường Bình, Bến Lức, Long An

11/03/2018 - 18/03/2018

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
1.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 5126 : 2005	110,4
1.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 5126 : 2005	5,5
1.3 Độ bền đứt với áp suất bên trong ở 20 °C cấp lực cực 0,98 MPa theo ISO 9974 Resistance in internal pressure at 20 °C (0,98 MPa; duration: 100 s)	MPa	ISO 11657-1 : 2006	Không rõ rệt no failure
1.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 phút) <i>Longitudinal retraction (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,0

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐỒNG ĐÚY ĐUY ĐANG OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG / QUALITY DIRECTOR



(Chữ ký)
Trần Thị Thanh Uyên

1. Mục đích: Báo cáo kết quả thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng và các tiêu chuẩn áp dụng.

2. Phạm vi: Áp dụng cho các sản phẩm thuộc lĩnh vực xây dựng, công nghiệp và thương mại.

3. Nguyên tắc: Thử nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng và các quy trình nội bộ của phòng thử nghiệm.

4. Tài liệu tham khảo: Các tiêu chuẩn áp dụng, các quy trình nội bộ của phòng thử nghiệm.

5. Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất tham khảo và không được sử dụng để đưa ra các quyết định quan trọng.

TỔNG CỤC THỬ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
TRUNG TÂM KIỂM TRA TỔNG HỢP QUANG TRUNG LƯƠNG CHÍNH SÁCH
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER

KTY-0122SAHDE **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 1903/2018
TEST REPORT Page 01/01

1. Tên mẫu: **CÔNG NHỰA HDPE Ø 110 x 3,1mm**
Name of sample: :
2. Nguồn mẫu: :
Origin :
3. Mô tả: : Mẫu thử nghiệm do khách hàng tự lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description : 04 đoạn ống nhựa màu đen có 6 vấu tách Black plastic pipe with six cam strips
4. Ngày nhận mẫu: : 09/03/2018
Date of receiving :
5. Nơi gửi mẫu: : CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THỒNG
Place of sending : Ấp 4, Lương Bình, Xã Lộc, Lạng An
6. Thời gian thí nghiệm: : 16/03/2018 - 16/03/2018
Test period :
7. Kết quả thí nghiệm:
Test result:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả thí nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trong bình) Mean outside diameter,	mm	ISO 1126 / 2005	110,4
7.2 Bề dày (trong bình) và thành ống Mean wall thickness,	mm	ISO 3130 / 2005	R,2
7.3 Độ bền dãn với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước: 5,9 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (t=5,9 MPa; duration: 100 h)	mm	ISO 1167-1 / 2006	Không có rò rỉ no leakage
7.4 Độ trượt khi kích thích theo chiều dọc (110°C; 60 min). Longitudinal recession (110°C; 60 min),	%	ISO 2505 / 2005	1,0

P.TRƯỞNG PHÒNG THIỂU ĐÙNG
DUPTUY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC P.TRIỂN KHAI CHO DIRECTOR FOR QUALITY SERVICE DIRECTOR

Trang Tấn Anh Tuấn
(Ký và ghi rõ họ tên)
Lương Thanh Uyên

Hướng dẫn sử dụng phiếu báo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm: Phiếu này được lập ra để cung cấp cho người dùng các thông tin cần thiết về quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm và kết quả của việc kiểm tra. Người dùng cần phải đọc kỹ nội dung của phiếu trước khi đưa vào sử dụng. Phiếu này không thể thay thế cho các tài liệu khác như sổ tay hướng dẫn sử dụng hoặc sách hướng dẫn lắp đặt. Người dùng cần phải lưu giữ phiếu này cẩn thận để tránh bị mất mát hoặc hư hỏng. Nếu gặp bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, người dùng nên liên hệ ngay với bộ phận chăm sóc khách hàng của trung tâm để được hỗ trợ kịp thời.



QUATEST 1

TỔNG CỤC THIẾT KẾ VÀ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHUẨN CHẤT LƯỢNG 3
 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS 0122A/ĐH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/03/2018
 Page 01/01

1. Tên mẫu (**ỐNG NHỰA HDPE Ø 90 x 6,7 mm**)
Name of sample

2. Số lượng mẫu (**01**)
Quantity

3. Mô tả (**Mũi thử nghiệm đã khách hàng lấy mẫu, số mẫu và thông tin về mẫu đã khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**)
Description
 (**Ống dẫn liệu nhựa màu đen có 6 sự uốn cong**)
Black plastic pipe with six curve sample

4. Ngày nhận mẫu (**09/03/2018**)
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu (**CÔNG TY TNHH SX VÀ DV THỰC PHẨM THƯỜNG**)
Send to
 (**Ấp 4, Lương Hoà, Bình Tân, Long An**)

6. Thời gian thử nghiệm : **10/03/2018 – 19/03/2018**
Test period

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Đơn vị thiết lập <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 1126 : 2005	90,3
Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 7126 : 2005	7,29
Độ bền uốn với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 1,99 MPa tương đương 100 g/g Resistance to internal pressure at 20 °C (1,99 MPa; duration: 100 h)		ISO 1167-1 : 2006	Không có rò rỉ nước leakage
7.4 Độ lệch dọc trục của trục uốn dọc (110°C; 60 min) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	0,8

F. THỦ LƯU PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.


Nguyễn Thị Thủy Nhi

KT. QUẢN LÝ CHO DIRECTOR
FOR QUALITY SERVICE DIRECTOR


Trương Thanh Uyên

1. Các tài liệu tham khảo áp dụng: TCVN 5745:2005, TCVN 5746:2005, TCVN 5747:2005, TCVN 5748:2005, TCVN 5749:2005, TCVN 5750:2005, TCVN 5751:2005, TCVN 5752:2005, TCVN 5753:2005, TCVN 5754:2005, TCVN 5755:2005, TCVN 5756:2005, TCVN 5757:2005, TCVN 5758:2005, TCVN 5759:2005, TCVN 5760:2005, TCVN 5761:2005, TCVN 5762:2005, TCVN 5763:2005, TCVN 5764:2005, TCVN 5765:2005, TCVN 5766:2005, TCVN 5767:2005, TCVN 5768:2005, TCVN 5769:2005, TCVN 5770:2005, TCVN 5771:2005, TCVN 5772:2005, TCVN 5773:2005, TCVN 5774:2005, TCVN 5775:2005, TCVN 5776:2005, TCVN 5777:2005, TCVN 5778:2005, TCVN 5779:2005, TCVN 5780:2005, TCVN 5781:2005, TCVN 5782:2005, TCVN 5783:2005, TCVN 5784:2005, TCVN 5785:2005, TCVN 5786:2005, TCVN 5787:2005, TCVN 5788:2005, TCVN 5789:2005, TCVN 5790:2005, TCVN 5791:2005, TCVN 5792:2005, TCVN 5793:2005, TCVN 5794:2005, TCVN 5795:2005, TCVN 5796:2005, TCVN 5797:2005, TCVN 5798:2005, TCVN 5799:2005, TCVN 5800:2005, TCVN 5801:2005, TCVN 5802:2005, TCVN 5803:2005, TCVN 5804:2005, TCVN 5805:2005, TCVN 5806:2005, TCVN 5807:2005, TCVN 5808:2005, TCVN 5809:2005, TCVN 5810:2005, TCVN 5811:2005, TCVN 5812:2005, TCVN 5813:2005, TCVN 5814:2005, TCVN 5815:2005, TCVN 5816:2005, TCVN 5817:2005, TCVN 5818:2005, TCVN 5819:2005, TCVN 5820:2005, TCVN 5821:2005, TCVN 5822:2005, TCVN 5823:2005, TCVN 5824:2005, TCVN 5825:2005, TCVN 5826:2005, TCVN 5827:2005, TCVN 5828:2005, TCVN 5829:2005, TCVN 5830:2005, TCVN 5831:2005, TCVN 5832:2005, TCVN 5833:2005, TCVN 5834:2005, TCVN 5835:2005, TCVN 5836:2005, TCVN 5837:2005, TCVN 5838:2005, TCVN 5839:2005, TCVN 5840:2005, TCVN 5841:2005, TCVN 5842:2005, TCVN 5843:2005, TCVN 5844:2005, TCVN 5845:2005, TCVN 5846:2005, TCVN 5847:2005, TCVN 5848:2005, TCVN 5849:2005, TCVN 5850:2005, TCVN 5851:2005, TCVN 5852:2005, TCVN 5853:2005, TCVN 5854:2005, TCVN 5855:2005, TCVN 5856:2005, TCVN 5857:2005, TCVN 5858:2005, TCVN 5859:2005, TCVN 5860:2005, TCVN 5861:2005, TCVN 5862:2005, TCVN 5863:2005, TCVN 5864:2005, TCVN 5865:2005, TCVN 5866:2005, TCVN 5867:2005, TCVN 5868:2005, TCVN 5869:2005, TCVN 5870:2005, TCVN 5871:2005, TCVN 5872:2005, TCVN 5873:2005, TCVN 5874:2005, TCVN 5875:2005, TCVN 5876:2005, TCVN 5877:2005, TCVN 5878:2005, TCVN 5879:2005, TCVN 5880:2005, TCVN 5881:2005, TCVN 5882:2005, TCVN 5883:2005, TCVN 5884:2005, TCVN 5885:2005, TCVN 5886:2005, TCVN 5887:2005, TCVN 5888:2005, TCVN 5889:2005, TCVN 5890:2005, TCVN 5891:2005, TCVN 5892:2005, TCVN 5893:2005, TCVN 5894:2005, TCVN 5895:2005, TCVN 5896:2005, TCVN 5897:2005, TCVN 5898:2005, TCVN 5899:2005, TCVN 5900:2005, TCVN 5901:2005, TCVN 5902:2005, TCVN 5903:2005, TCVN 5904:2005, TCVN 5905:2005, TCVN 5906:2005, TCVN 5907:2005, TCVN 5908:2005, TCVN 5909:2005, TCVN 5910:2005, TCVN 5911:2005, TCVN 5912:2005, TCVN 5913:2005, TCVN 5914:2005, TCVN 5915:2005, TCVN 5916:2005, TCVN 5917:2005, TCVN 5918:2005, TCVN 5919:2005, TCVN 5920:2005, TCVN 5921:2005, TCVN 5922:2005, TCVN 5923:2005, TCVN 5924:2005, TCVN 5925:2005, TCVN 5926:2005, TCVN 5927:2005, TCVN 5928:2005, TCVN 5929:2005, TCVN 5930:2005, TCVN 5931:2005, TCVN 5932:200



TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/03/2018
Page 01/01

KTC-01225A/DM

ÔNG NHỰA HDPE Ø 110 x 4,2 mm

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu

6. Thời gian thử nghiệm : 16/03/2018 - 19/03/2018

7. Kết quả thử nghiệm : **CÔNG TY TNHH SX TM DV THƯƠNG THƯỜNG**
Áp 4, Lương Bình, Hòa Lai, Long An

Test period

Test result

16/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu

6. Thời gian thử nghiệm : 16/03/2018 - 19/03/2018

7. Kết quả thử nghiệm : **CÔNG TY TNHH SX TM DV THƯƠNG THƯỜNG**
Áp 4, Lương Bình, Hòa Lai, Long An

Test period

Test result

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị thiết lập	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	110,4
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	4,53
7.3 Độ bền đứt của ống uốn hình vòng ở 20 °C áp lực nước 0,50 MPa với 100 giây <i>Rupture test at 20 °C (0,50 MPa; duration: 100 s)</i>	mm	ISO 1185-1 : 2006	Không rò rỉ nước <i>No leakage</i>
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C, 60 phút) <i>Longitudinal reversion (110°C; 60 min)</i>	%	ISO 2505 : 2005	1,0

PHỤ TRƯỞNG PIN HÀNG THỬ ĐÓNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Nhi

KT. GIÁM ĐỐC CHO DIRECTOR
PHÒNG KIỂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG



TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Nguyễn Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

2. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

3. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

4. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

5. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

6. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

7. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

8. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

9. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.

10. Các kết quả thử nghiệm được trình bày trong báo cáo này chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này. Các kết quả thử nghiệm khác không được trình bày trong báo cáo này không có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm đã được trình bày trong báo cáo này.



TỔNG CỤC THỬ CHUẨN BẰNG LƯỢNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT THỬ CHUẨN BẰNG LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

19/03/2018
Page 01/01

KTC-01223AHE02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Số lượng mẫu
Quantity

3. Mô tả
Description

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu
Not for issue

6. Thời gian thử nghiệm
Test period

7. Kết quả thử nghiệm
Test result

ÔNG NH/HA HDPE Ø140 x 5,4mm

01

Mẫu thử nghiệm đã khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu đã khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 (Số đầu ghi thử nghiệm như trên đến số 1 của vạch)
 Black plastic pipe with six cm scale
 09/03/2018

CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG
 Ap 4, Lương Hữu, Tân Lân, Long An

19/03/2018 – 19/03/2018

STT	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1	Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	ISO 3126 : 2005	140,2
7.2	Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	ISO 3126 : 2005	5,85
7.3	Độ bền đứt vết dáp mẫu bên trong @ 20 °C (áp lực mẫu: 0,98 MPa) trong 100 giây Resistance to internal pressure at 20 °C (0,98 MPa; duration: 100 s)	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không có rò rỉ no-leakage
7.4	Độ xoay đầu khúc chuyển theo chiều dọc (110°C; 60 phút) Longitudinal reversion (110°C; 60 min)	%	ISO 2505 : 2005	1,0

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ
DEPUTY HEAD OF QUALITY CONTROL
PRODUCTS TESTING LAB.

(Signature)
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KT. GIÁM ĐỐC/ P. GIÁM ĐỐC
MANAGING DIRECTOR/ DEPUTY MANAGING DIRECTOR

(Signature)
Nguyễn Thanh Uyên

1. Các chỉ tiêu thử nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư Hướng dẫn về việc thực hiện thử nghiệm và cấp chứng chỉ thử nghiệm của Bộ Công Thương và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan. The test methods and standards used for the test are in accordance with the provisions of the Decree on the implementation of testing and issuance of test certificates issued by the Ministry of Industry and Commerce and other relevant technical standards.

2. Các chỉ tiêu thử nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư Hướng dẫn về việc thực hiện thử nghiệm và cấp chứng chỉ thử nghiệm của Bộ Công Thương và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan. The test methods and standards used for the test are in accordance with the provisions of the Decree on the implementation of testing and issuance of test certificates issued by the Ministry of Industry and Commerce and other relevant technical standards.

3. Các chỉ tiêu thử nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư Hướng dẫn về việc thực hiện thử nghiệm và cấp chứng chỉ thử nghiệm của Bộ Công Thương và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan. The test methods and standards used for the test are in accordance with the provisions of the Decree on the implementation of testing and issuance of test certificates issued by the Ministry of Industry and Commerce and other relevant technical standards.

Chức danh và chữ ký của người đại diện pháp luật của đơn vị được thử nghiệm. Name and signature of the legal representative of the unit being tested.

Chức danh và chữ ký của người đại diện pháp luật của đơn vị cấp chứng chỉ thử nghiệm. Name and signature of the legal representative of the unit issuing the test certificate.

Địa chỉ: Trung tâm Kỹ thuật thử nghiệm và cấp chứng chỉ thử nghiệm, Số 10 Đường số 1, Khu phố 1, Phường 1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Address: Quality Assurance & Testing Center 3, No. 10 Street No. 1, Ward 1, District 1, Ho Chi Minh City.

Số điện thoại: 0903 999 999. Email: info@quatest3.vn. Website: www.quatest3.vn. Phone: 0903 999 999. Email: info@quatest3.vn. Website: www.quatest3.vn.

Ngày: 19/03/2018. Mã: 01/2018. Mã: 01/2018. Ngày: 19/03/2018. Mã: 01/2018. Mã: 01/2018.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT THỬ CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3.01225AENH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/03/2018
Page 01/01

1. Tên mẫu / **Sample name**
 2. Số lượng mẫu / **Quantity**
 3. Mô tả / **Description**
 4. Ngày nhận mẫu / **Date of receiving**
 5. Nơi gửi mẫu / **Test place**
 6. Thời gian thử nghiệm: 10/03/2018 – 19/03/2018 / **Test period**
 7. Kết quả thử nghiệm: / **Test result**

ĐỒNG NHỮA HDPE Ø 140 x 6,7mm

Mô tả thí nghiệm do khách hàng cấp yêu cầu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 (Mô tả loại nhựa mẫu đến có 6 cục mẫu)
(Black plastic pipe with 6 test pieces)

19/03/2018

CÔNG TY TNHH TM DV THIÊN THƯỜNG
Ap 6, Lương Bình, Bàu Lát, Long An

	Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Đơn vị thước / <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thí nghiệm <i>Test results</i>
7.1	(Đường kính ngoài trung bình) <i>Mean outside diameter</i>	mm	ISO 3126 : 2005	140,2
7.2	(Bề dày trung bình) của thành ống <i>Mean wall thickness</i>	mm	ISO 3126 : 2005	6,9
7.3	(Độ biến dạng uốn tại trung tâm ở 20 °C) áp lực nước 0,08 MPa trong 100 giây <i>Resistance to internal pressure at 20 °C (0,08 MPa duration: 100 s)</i>	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không có sự rò rỉ / <i>no leakage</i>
7.4	(Độ dài thí kích thước theo chiều dọc 110°C/ 90 min) <i>Longitudinal reversion (110°C, 90 min)</i>	%	ISO 2503 : 2005	1,0

P. TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB

(Signature)
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR
PHÒNG GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

KÝ VÀ ĐÓNG CHỮ
 CỦA
 K. TRƯỞNG CHỨC

Nguyễn Thanh Uyên

1. Các thông tin khác của mẫu thử nghiệm: (nếu có) / *Other information of the sample (if any):*
 2. Các thông tin khác của khách hàng: (nếu có) / *Other information of customer (if any):*
 3. Các thông tin khác của phòng thí nghiệm: (nếu có) / *Other information of laboratory (if any):*
 4. Các thông tin khác của người gửi mẫu: (nếu có) / *Other information of sample sender (if any):*
 5. Các thông tin khác của người nhận mẫu: (nếu có) / *Other information of sample receiver (if any):*
 6. Các thông tin khác của người mua: (nếu có) / *Other information of buyer (if any):*
 7. Các thông tin khác của người bán: (nếu có) / *Other information of seller (if any):*
 8. Các thông tin khác của người vận chuyển: (nếu có) / *Other information of transporter (if any):*
 9. Các thông tin khác của người tiếp nhận: (nếu có) / *Other information of receiver (if any):*
 10. Các thông tin khác của người phân phối: (nếu có) / *Other information of distributor (if any):*
 11. Các thông tin khác của người tiêu dùng: (nếu có) / *Other information of consumer (if any):*
 12. Các thông tin khác của người sản xuất: (nếu có) / *Other information of producer (if any):*
 13. Các thông tin khác của người nhập khẩu: (nếu có) / *Other information of importer (if any):*
 14. Các thông tin khác của người xuất khẩu: (nếu có) / *Other information of exporter (if any):*
 15. Các thông tin khác của người bán lẻ: (nếu có) / *Other information of retailer (if any):*
 16. Các thông tin khác của người bán sỉ: (nếu có) / *Other information of wholesaler (if any):*
 17. Các thông tin khác của người bán buôn: (nếu có) / *Other information of trader (if any):*
 18. Các thông tin khác của người bán lẻ: (nếu có) / *Other information of retailer (if any):*
 19. Các thông tin khác của người bán sỉ: (nếu có) / *Other information of wholesaler (if any):*
 20. Các thông tin khác của người bán buôn: (nếu có) / *Other information of trader (if any):*

Các chứng chỉ đạt được

Các chứng chỉ đạt được

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-01225AHD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 19/03/2018 Page 01/01

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA HDPE Ø 160 x 6,2mm**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
4. Ngày nhận mẫu: **04/03/2018**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Bùn Lát, Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **18/03/2018 - 19/03/2018**
7. Kết quả thử nghiệm:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	ISO 3126 : 2005	160,3
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	ISO 3126 : 2005	6,6
7.3 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (0.98 MPa, duration: 100 h)	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min) Longitudinal reversion (110°C; 60 min)	%	ISO 2505 : 2005	1,3

P.TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-01225AHD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 26/04/2018 Page 01/01

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA HDPE Ø 160 x 7,7mm**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
4. Ngày nhận mẫu: **16/04/2018**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Bùn Lát, Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **17/04/2018 - 26/04/2018**
7. Kết quả thử nghiệm:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	ISO 3126 : 2005	160,2
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	ISO 3126 : 2005	7,8
7.3 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (0.98 MPa, duration: 100 h)	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min) Longitudinal reversion (110°C; 60 min)	%	ISO 2505 : 2005	1,4

P.TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-00568HD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017 Page 01/02

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA XỐN HDPE Ø 160**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **06 đoạn ống nhựa giao mùa cam**
06 orange plastic pipes
4. Ngày nhận mẫu: **16/05/2017**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX - TM - DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Huyện Bùn Lát, Tỉnh Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **17/05/2017 - 29/05/2017**
7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang**
See page 02/02

TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LABORATORY
Nguyễn Phúc Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-00568HD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017 Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	162,5
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	25,1
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	1,6
7.4 Tải sức ép (sức ép 475N) Compressive test (with force of 475N)	%	TCVN 7997 : 2009	2,2
7.5 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Color resistance to solutions at temperature 20 °C for 100 h	MPa	KS C 4835 : 2005 TCVN 8699 : 2011	22,1
7.6 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Color resistance to solutions at temperature 20 °C for 100 h	MPa	KS C 4835 : 2005 TCVN 8699 : 2011	22,1
7.7 Độ bền kéo đứt (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m ²	KS C 4835 : 2005	0,19 0,16 4,04 4,06 0,31
7.8 Tải sức ép (sức ép 475N) Compressive test (with force of 475N)	%	TCVN 7997 : 2009	91,8

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-01225AHD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 26/04/2018 Page 01/01

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA HDPE Ø 160 x 9,5mm**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
4. Ngày nhận mẫu: **16/04/2018**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Bùn Lát, Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **17/04/2018 - 26/04/2018**
7. Kết quả thử nghiệm:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	ISO 3126 : 2005	160,2
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	ISO 3126 : 2005	9,6
7.3 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (0.98 MPa, duration: 100 h)	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min) Longitudinal reversion (110°C; 60 min)	%	ISO 2505 : 2005	1,4

P.TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-01225AHD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 26/04/2018 Page 01/01

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA HDPE Ø 160 x 11,5mm**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
4. Ngày nhận mẫu: **16/04/2018**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Bùn Lát, Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **17/04/2018 - 26/04/2018**
7. Kết quả thử nghiệm:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	ISO 3126 : 2005	160,3
7.2 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	ISO 3126 : 2005	12,0
7.3 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Resistance to internal pressure at 20 °C (0.98 MPa, duration: 100 h)	mm	ISO 1167-1 : 2006	Không rò rỉ no leakage
7.4 Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc (110°C; 60 min) Longitudinal reversion (110°C; 60 min)	%	ISO 2505 : 2005	1,2

P.TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thủy Nhi

KY. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-00568HD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017 Page 01/02

1. Tên mẫu: **ÔNG NHỰA XỐN HDPE Ø 160**
2. Số lượng mẫu: **01**
3. Mô tả: **06 đoạn ống nhựa giao mùa cam**
06 orange plastic pipes
4. Ngày nhận mẫu: **16/05/2017**
5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH SX - TM - DV THUẬN THÔNG**
Ấp 4, Lương Bình, Huyện Bùn Lát, Tỉnh Long An
6. Thời gian thử nghiệm: **17/05/2017 - 29/05/2017**
7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang**
See page 02/02

TRƯỞNG PIN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LABORATORY
Nguyễn Phúc Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
Nguyễn Thanh Uyên

QUATEST 3
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KTS-00568HD0 PHẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017 Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test results
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	162,5
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	25,1
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	1,6
7.4 Tải sức ép (sức ép 475N) Compressive test (with force of 475N)	%	TCVN 7997 : 2009	2,2
7.5 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Color resistance to solutions at temperature 20 °C for 100 h	MPa	KS C 4835 : 2005 TCVN 8699 : 2011	22,1
7.6 Độ bền kéo đứt với áp suất bên trong ở 20 °C (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Color resistance to solutions at temperature 20 °C for 100 h	MPa	KS C 4835 : 2005 TCVN 8699 : 2011	22,1
7.7 Độ bền kéo đứt (áp lực nước 0,98 MPa trong 100 giờ) Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m ²	KS C 4835 : 2005	0,19 0,16 4,04 4,06 0,31
7.8 Tải sức ép (sức ép 475N) Compressive test (with force of 475N)	%	TCVN 7997 : 2009	92,9

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Các chứng chỉ đạt được

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD01 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA XỎAN HDPE Ø 400**
Name of sample

2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity

3. Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Description

4. Ngày nhận mẫu: **19/03/2018**
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH XN - TM - DV THUAN TRUONG
Áp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lạn, Tỉnh Lạng Sơn**
Customer

6. Thời gian thử nghiệm: **20/03/2018 - 02/04/2018**
Test period

7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/02**
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD01 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	51,8
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	43,0
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	1,98
7.4 Thử nén (lực nén 470N) Compressive test (with force of 470N)	%	TCVN 7997 : 2009	3,2
7.5 Độ bền kéo đứt (tensile strength) Tensile strength	MPa	KS C 8455 : 2005 TCVN 8099 : 2011	24,0
7.6 Độ bền màu đối với các dung dịch ở nhiệt độ 60 °C trong 95 giờ Color resistance to solutions at temperature 60 °C for 95 h			Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change
7.7 Độ bền hóa chất (độ thay đổi khối lượng sau khi ngâm trong dung dịch) / Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m²	KS C 8455 : 2005	0,19 0,16 -0,04 -0,06 0,31
7.8 Thử nén bền dạng không vỡ 100 % đường kính ngoài / Compression test (100 % deflection of outside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	93,8

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Các chứng chỉ đạt được

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD02 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA XỎAN HDPE Ø 400**
Name of sample

2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity

3. Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Description

4. Ngày nhận mẫu: **19/03/2018**
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH XN - TM - DV THUAN TRUONG
Áp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lạn, Tỉnh Lạng Sơn**
Customer

6. Thời gian thử nghiệm: **20/03/2018 - 02/04/2018**
Test period

7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/02**
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD02 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	51,8
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	43,0
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	2,00
7.4 Thử nén (lực nén 470N) Compressive test (with force of 470N)	%	TCVN 7997 : 2009	2,3
7.5 Độ bền kéo đứt (tensile strength) Tensile strength	MPa	KS C 8455 : 2005 TCVN 8099 : 2011	27,0
7.6 Độ bền màu đối với các dung dịch ở nhiệt độ 60 °C trong 95 giờ Color resistance to solutions at temperature 60 °C for 95 h			Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change
7.7 Độ bền hóa chất (độ thay đổi khối lượng sau khi ngâm trong dung dịch) / Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m²	KS C 8455 : 2005	0,15 0,35 -0,02 0,52
7.8 Thử nén bền dạng không vỡ 100 % đường kính ngoài / Compression test (100 % deflection of outside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	94,5

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD01 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017
Page 01/02

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA XỎAN HDPE Ø 400**
Name of sample

2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity

3. Mô tả mẫu: **06 đoạn ống nhựa gia cường màu cam
06 orange plastic pipes**
Description

4. Ngày nhận mẫu: **16/05/2017**
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH XN - TM - DV THUAN TRUONG
Áp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lạn, Tỉnh Lạng Sơn**
Customer

6. Thời gian thử nghiệm: **17/05/2017 - 29/05/2017**
Test period

7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/02**
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LABORATORY
Nguyễn Phước Hải

TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD01 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 29/05/2017
Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	51,7
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	39,6
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	1,90
7.4 Thử nén (lực nén 470 N) Compressive test (with force of 470 N)	%	KS C 8455 : 2005	2,5
7.5 Độ bền kéo đứt (tensile strength) Tensile strength	MPa	KS M 3413 : 1995	24,0
7.6 Độ bền màu đối với các dung dịch ở nhiệt độ 60 °C trong 95 giờ Color resistance to solutions at temperature 60 °C for 95 h			Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change
7.7 Độ bền hóa chất (độ thay đổi khối lượng sau khi ngâm trong dung dịch) / Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m²	KS C 8455 : 2005	0,13 0,28 0,07 0,06 0,58
7.8 Thử nén bền dạng không vỡ 100 % đường kính ngoài / Compression test (100 % deflection of outside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	27,0
7.9 Thử nén bền dạng không vỡ 100 % đường kính trong / Compression test (100 % deflection of inside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	94,3

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD03 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu: **ỐNG NHỰA XỎAN HDPE Ø 400**
Name of sample

2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity

3. Mô tả mẫu: **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Description

4. Ngày nhận mẫu: **19/03/2018**
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH XN - TM - DV THUAN TRUONG
Áp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lạn, Tỉnh Lạng Sơn**
Customer

6. Thời gian thử nghiệm: **20/03/2018 - 02/04/2018**
Test period

7. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/02**
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Phước Hải

QUATEST 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KY3-00388HD03 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT 02/04/2018
Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	103,3
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	79,6
7.3 Bề dày (trung bình) của thành ống Mean wall thickness	mm	BS EN ISO 3126 : 2005	2,0
7.4 Thử nén (lực nén 470 N) Compressive test (with force of 470 N)	%	TCVN 7997 : 2009	2,9
7.5 Độ bền kéo đứt (tensile strength) Tensile strength	MPa	KS C 8455 : 2005 TCVN 8099 : 2011	29,0
7.6 Độ bền màu đối với các dung dịch ở nhiệt độ 60 °C trong 95 giờ Color resistance to solutions at temperature 60 °C for 95 h			Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change Không đổi / No change
7.7 Độ bền hóa chất (độ thay đổi khối lượng sau khi ngâm trong dung dịch) / Chemicals resistance test (change in mass after immersion)	g/m²	KS C 8455 : 2005	0,11 0,36 -0,05 -0,03 0,44
7.8 Thử nén bền dạng không vỡ 100 % đường kính ngoài / Compression test (100 % deflection of outside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	90,8

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Các chứng chỉ đạt được

Các chứng chỉ đạt được

 TÍNH TỐT THUẬN CHO LƯỢNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		02/04/2018 Page 01/ 02
KTC3-0018030204-0 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>		
1. Tên mẫu <i>Name of sample</i>	ÔNG NHỰA XỎAN HIEP 90X110	
2. Số lượng mẫu <i>Quantity</i>	01	
3. Mô tả mẫu <i>Description</i>	Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, từ mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was supplied by customers, sample name and sample information were supplied by customers. (06 thanh ống nhựa cam Orange plastic pipes)	
4. Ngày nhận mẫu <i>Date of receiving</i>	19/03/2018	
5. Nơi gửi mẫu <i>Customer</i>	CÔNG TY TNHH X. TM. B. VINH THẮNG Ấp 4, Xã Long Bình, Huyện B. A, Tỉnh Long An	
6. Thời gian thử nghiệm: / <i>Test period</i>	29/03/2018 - 02/04/2018	
7. Kết quả thử nghiệm: <i>Test result</i>	Xếp trung 02/02 <i>See page 02/02</i>	
TRƯỞNG PHÒNG HÀNG TIÊU DÙNG HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.  Nguyễn Phước Hải TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM QUATE3 TESTING LAB.  Nguyễn Quốc Việt		

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày 02/04/2018
Số 02/2018

KTY-030/H004/04

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Đường kính ngoài (trong bình) Mean outside diameter	mm	B5 EN ISO 3126 : 2005	107,5
7.2 Đường kính trong (trong bình) Mean inside diameter	mm	B5 EN ISO 3126 : 2005	87,1
7.3 Độ dày (trong bình) và độ dày Mean wall thickness	mm	B5 EN ISO 3126 : 2005	2,30
7.4 Thử nén (lực nén 100%EN) Compressive test (with force of 100%EN)	%	TCVN 7997 : 2009	
• Bề dày đường kính ngoài defection of outside diameter			2,8
7.5 Độ bền kéo Tensile strength	MPa	K5 C 8435 : 2005	27,8
7.6 Độ bền uốn với các dung dịch ở thấp 40 °C "ung 95 g" Cater resistance to solutions at temperature 40 °C for 95 g		TCVN 8099 : 2011	
• 10 % NaCl solution			Không đổi/ No change
• 30 % H ₂ SO ₄ solution			Không đổi/ No change
• 40 % NaOH solution			Không đổi/ No change
7.7 Độ bền hóa chất (ở thời điểm thử) hợp an lực nghiệm trong dung dịch 1/ Chemicals resistance test (change at max after immersion)	g/m ²	K5 C 8435 : 2005	
• 10 % NaCl			-0,32
• 40 % H ₂ SO ₄			0,24
• 30 % H ₂ SO ₄			0,04
• 40 % NaOH			0,08
• 95 % Ethyl alcohol			0,39
7.8 Thử uốn bền đường không có đường kính ngoài / Compression test (66 % deflection of outside diameter)	%	TCVN 8099 : 2011	
• Độ bền phục đường kính ngoài sau 10% Recovery of outside diameter after 10% of load removing			95,8

TRUNG TÂM KỸ THUẬT CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Địa chỉ: 10/1 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Tân Phú, TP. HCM

Điện thoại: 0903 999 999

Số 10/1 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Tân Phú, TP. HCM

Điện thoại: 0903 999 999

[illegible][illegible][illegible]

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT		NGÀY/THỜI GIAN DATE/TIME
K73-00565HIE02		05/05/2017 09:02
Tên thí nghiệm Characteristic	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Test result
7.1 Đường kính ngoài (trung bình) Mean outside diameter	BS EN ISO 3126 : 2005	12,6
7.2 Đường kính trong (trung bình) Mean inside diameter	BS EN ISO 3126 : 2005	9,9
7.3 Độ dày (trung bình) của thành ống Mean thickness	BS EN ISO 3126 : 2005	2,70
7.4 Tải trọng (tại mức 978 N) / Compressive test (with force of 978 N)	KSC 8455 : 2005	
• Biến dạng đường kính ngoài/ deflection of outer diameter		3,5
7.5 Độ bền đứt với hàn chì (100 °C; 02 giây) Chemically resistant at 100 °C/ 05 s	KS M 3413 : 1995	
• 10 % NaCl solution		Không thay màu/ Color is no changed
• 30 % H ₂ SO ₄ solution		Không thay màu/ Color is no changed
• 40 % HNO ₃ solution		Không thay màu/ Color is no changed
• 40 % NaOH solution		Không thay màu/ Color is no changed
7.6 Độ bền hàn chì (tại mức 100 °C) / Chemical resistance test (change in mass after immersion)	KSC 8455 : 2005	
• 10 % NaCl		0,14
• 40 % HNO ₃		0,30
• 30 % H ₂ SO ₄		0,07
• 40 % NaOH		0,04
• 95 % Ethyl alcohol		0,50
7.7 Độ bền kéo Tensile strength	KSC 8455 : 2005	28,5
7.8 Tải trọng biến dạng kéo vỡ (100 °C) đường kính ngoài / Compression test / 60 °C deflection of outer diameter	TCVN 8099 : 2011	
• Độ hồi phục đường kính ngoài sau 15h/ Recovery of outer diameter after 15h of load removing		99,2

[illegible]



TỔNG HỘI NHÀ CHẾ VÂN NAM
LÊN TIẾP KHUẤT QUỐC DÂN CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SAGION UNION OF SCIENCE AND GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION



Vin phòng 30 và P. The nginon 30-1 : Branch and Lab 2 : 7 Street - W. Binh Tay Giang Di Thuan Thang : HCM City
 Vin phòng 31 và P. The nginon 31-1 : Branch and Lab 2 : 265, Hoa Tay Tu Street - W. An Chai : 10 : HCM City
 Vin phòng 32 và P. The nginon 32-1 : Branch and Lab 3 : 80, 103 Street - W. 25 : Binh Thuan Thang : HCM City
 Vin phòng 33 và P. TN 33-1 : Branch and Lab 4 : 108 Phung Thuan Street - W. 17 : Binh Tay Giang : HCM City
 Vin phòng 34 và P. TN 34-1 : Branch and Lab 5 : 118-127 Tuong Street - W. 25 : Binh Thuan Thang : HCM City
 Vin phòng 35 : Branch and Lab 6 : 34-38 Tuong Street - W. Phung Thuan : W. Tuong City : Khanh Hoa Province
 Vin phòng 36 và P. TN 36-1 : Branch and Lab 7 : 50a C/1 Phung Thuan Street - W. Phung Thuan : Binh : HCM City
 SAGION (M) 80-3047 2090-420-2097 2098, Fax: 80-3047 2090, Email: sagion.union@pho.com.vn Website: sagionunion.com

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT

THỬ NGHIỆM ÖNG NHỰA TEST OF PLASTICS PIPES

Số đơn 542/18-01-00400

Cơ quan chủ của/Client : Hà chi/Location : Công cấp mẫu/Sample : Loại mẫu/Kind : Phản ứng của/Testing result : Ngày nhận mẫu/Received date : Ngày trả/Testing date : Phương pháp thử/Test method : Số lượng mẫu thử/Quantity : 03 mẫu Kết quả thử/Test result :	1 Công Ty TNHH Sản Phẩm - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thang 1 Ấp 4, Xã Lương Minh, Huyện Bình Lạc, Tỉnh Long An, TP.HCM Công Ty TNHH Sản Phẩm - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thang 1 Ông gđ HCPT: 2 người 25x3x3 mm 1 01HPPE-NTT-18 27/02/2018 27/02/2018 đến 01/03/2018 ISO 3126 : 2005, ISO 9001 : 2007 1 03 mẫu
--	---

STT	Chi tiêu thí nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thí nghiệm/Test result			
			Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Trung Bình
1	Thường kinh trung	mm	253.3	252.8	252.9	252.9
2	Độ dày thành ống	mm	18.12	18.16	18.18	18.15
3	Độ cứng tổng thể hàm lượng 1% bulô (đang được tính toán)	KN/m ²	4.92	4.58	4.76	4.75

Người Thí Nghiệm

Trần Thuý Hương

Trưởng Phòng Thí Nghiệm

Trưởng Nguyễn Thị Duy

SAGION UNION

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Hoàng

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Lưu ý: Thông tin này chỉ có giá trị khi có mặt chữ ký và đóng dấu của người đại diện hợp pháp của đơn vị khách hàng. Mọi thông tin khác không được coi là có giá trị.

Các chứng chỉ đạt được

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	303.7	304.2	304.0	304.0
2	Hệ dày thành ống	mm	15.47	15.48	15.47	15.47
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	5.63	5.33	5.99	5.54

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	304.3	304.6	304.4	304.4
2	Hệ dày thành ống	mm	17.9	17.9	18.0	17.9
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	4.84	4.93	4.86	4.88

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	290.3	290.2	290.1	290.2
2	Hệ dày thành ống	mm	18.53	18.71	18.54	18.59
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	9.64	9.39	9.32	9.52

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	290.2	290.2	290.2	290.2
2	Hệ dày thành ống	mm	16.49	16.48	16.49	16.48
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	8.94	8.83	8.91	8.89

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	609.2	603.4	605.2	605.3
2	Hệ dày thành ống	mm	47.26	47.32	47.31	47.30
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	3.39	3.23	3.32	3.32

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	149.8	150.1	149.9	149.9
2	Hệ dày thành ống	mm	11.03	11.04	11.03	11.03
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	9.24	9.23	9.28	9.29

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	299.6	299.3	299.3	299.3
2	Hệ dày thành ống	mm	23.91	23.91	23.91	23.92
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	9.34	9.41	9.41	9.46

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TỔNG HỢP ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
SARGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

PHIẾU KẾT QUẢ TEST REPORT
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA
TEST OF PLASTICS PIPES

Cơ quan yêu cầu/Client: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Địa điểm/Location: Ấp 4, Xã Lương Bình, Huyện Bìn Lư, Tỉnh Long An, Tp.HCM
Cung cấp mẫu/Sample: Công Ty TNHH Sơn Xuân - Thương Mại - Dịch Vụ Thuận Thông
Loại mẫu/Kind: Ống gia nhiệt 2 lớp S-NR 0300x18.5mm
Phương pháp thử/Testing form: 01HDPEN-TT-18
Ngày nhận mẫu/Received date: 27/02/2018
Ngày thử/Testing date: 27/02/2018 đến 01/03/2018
Phương pháp thử/Test method: ISO 3126 : 2005, ISO 9969 : 2007
Số lượng mẫu thử/Quantity: 03 mẫu

Kết quả thử/Test result:

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm Characteristic	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm/Test result			Trung Bình Average
			Đầu	Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Đường kính trong	mm	398.9	399.3	399.6	399.3
2	Hệ dày thành ống	mm	33.13	33.14	33.14	33.14
3	Độ cứng riêng (theo hướng tại 3% độ ẩm) (ung dụng khi trong)	KN/m ²	9.71	9.50	9.64	9.71

Người Thử Nghiệm: Trương Phòng Thị Nghiệm
Lý Chấn Hòa
Trưởng Nguyễn Thái Duy

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Các Dự án tiêu biểu

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Nhà xưởng Sản xuất Sinoma	Đồng Nai
2	Hồ Tràm Resort	Vũng Tàu
3	Sân Golf Long Thành	Đồng Nai
4	Massan Nghệ An	Nghệ An
5	Khu Đô thị Sola- City	Long An
6	Cát tường Phú Hưng	Bình Phước
7	KCN Lộc An	Đồng Nai
8	KCN Khánh An	Cà Mau
9	Khu Đô Thị Mỹ Phước 2	Đồng Nai
10	KCN VietNam-Singapore	Đồng nai
11	KCN Biên Hòa II	Đồng Nai
12	INDUSTRIAL PARK Tân Hương Tiền Giang	Tiền Giang
13	KCN Hiệp phước	Hồ Chí Minh
14	Trạm XLNT KCN Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu
15	DRAINAGE CONSTRUCTION Bình Dương	Bình Dương
16	KCN Minh Hưng III ,H. Chơn Thành,Tỉnh Bình Phước	Bình Phước
17	RENSIDENTIAL TTN, Cần Thơ	Cần Thơ
18	KCN Tân Uyên, Bình Dương	Bình Dương
19	Sân Golf Montgomerie link Đà Nẵng	Đà Nẵng
20	Sân Golf Mêkông Royal Island Gold & Vilas	Bình Dương

Các Dự án tiêu biểu

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
21	Chung Cư Linh Trung Thủ Đức	Hồ Chí Minh
22	Industrial Park Nhà Bè	Hồ Chí Minh
23	INDUSTRIAL PARK LONG AN	Long An
24	Thanh Đa, Quận Bình Thạnh	Hồ Chí Minh
25	KĐT Du Lịch Biển Phan Thiết	Phú Quốc
26	Nhà Máy Bia MaSan Hậu Giang	Hậu Giang
27	Khu Công Nghệ Cao Đà Nẵng	Đà Nẵng
28	Khu Dân Cư Sinh Thái Phía Nam Chợ Mới Hàng Rượu	Quảng Ngãi
29	Trại giam T30 - Củ Chi	Hồ Chí Minh



Các Dự án tiêu biểu

KHU NGHỈ DƯỠNG HỒ TRÀM STRIP



KHU ĐÔ THỊ SOLA-CITY



**TRẠM XLNT KCN CHÂU ĐỨC
BÀ RỊA VŨNG TÀU**



**INDUSTRIAL PARK
TÂN HƯƠNG TIẾN GIANG**



KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC



INDUSTRIAL PARK LONG AN



Các Dự án tiêu biểu

CÁT TỪNG PHÚ HƯNG



**KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH AN,
HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**



**KHU DU LỊCH MELODY OF THE SEA
BÀ RỊA VŨNG TÀU**



Các Dự án tiêu biểu

KHU DÂN CƯ NGHĨA ĐIỀN - QUẢNG NGÃI



KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG III



CẢNG CÁI MÉP, BÀ RỊA



Các Dự án tiêu biểu

TRẠI GIAM T30 CỬ CHI



KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC III



NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SINOMA



Các Dự án tiêu biểu

SÂN GOLF MÊKÔNG- ROYAL ISLAND GOLD & VILAS



SÂN GOLF MONTGOMERIE LINK – ĐÀ NẴNG



SÂN GOLF VINEARL

